

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 263/2021/HS -ST
Ngày: 13/7/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh hoá tham gia phiên toà:

Bà Ninh Thị Tám - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 280/2021/HSST/TLST - HS ngày 08 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2021/QĐXXST – HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Đình B, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khu phố H, phường Hải C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Đình C (đã chết) và bà Trịnh Thị V; Vợ Trần Thị K (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/01/2021 đến 27/01/2021 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, “Có mặt”;

2. Trương Công H, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Khu phố T, phường Hải C, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông Trương Công Q và bà Đậu Thị M; Vợ Hồ Thị T và 01 con sinh năm 2020; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 06/10/2020 bị Công an thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”

Nhân thân: Ngày 21/02/2014 Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong án phí ngày 21/02/2014);

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/01/2021 đến 27/01/2021 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa “Cố mặt”;

Bị hại: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số nhà 70 Đồng Lễ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa “Vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1989 “Vắng mặt”

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1984 “Vắng mặt”

Địa chỉ: Số nhà 08/93 Duy Tân, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18/01/2021 Lê Đình B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Winne màu cam – đen, biển kiểm soát 36B5 - 822.94 chở Trương Công H đến thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa để giải quyết công việc cá nhân. Sau khi giải quyết xong công việc, B và H đi về. Khi đi qua khu vực vòng xuyên BigC đoàn đường đầu Đại lộ Lê Lợi thuộc phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, Bằng nhìn thấy chị Lê Thị H, sinh năm 1993, trú tại số nhà 75 Đồng Lễ, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa đang dừng xe ven đường và đang sử dụng điện thoại di động, B nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị H nên nói với H “Có con bé kia đang cầm điện thoại, giật lấy mang bán lấy tiền tiêu”. H đồng ý nên bảo B điều khiển xe quay lại để giật điện thoại. B điều khiển xe máy quay lại cùng chiều với chị H và cho xe vượt lên phía bên trái, khi gần ngang bằng với xe của chị H, H ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị H đang cầm trên tay rồi cả 2 tăng ga bỏ chạy về nhà. Đến chiều cùng ngày, B và H mang chiếc điện thoại giật được đến cửa hàng mua bán điện thoại Thanh T ở phường Trúc lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa để bán cho anh Đỗ Thanh T chủ cửa hàng. B và H nói với anh T là điện thoại nhặt được ngoài đường và bán với giá 10.200.000 đồng, lúc này có anh Đỗ Văn H, sinh năm 1984, trú tại số nhà 08/93 Duy Tân, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa đến giao hàng cho anh T, nên anh T bán lại chiếc điện thoại cho anh H với giá 13.000.000 đồng. Sau khi bán được chiếc điện thoại, B cho anh T 200.000 đồng. Số tiền còn lại H đã đưa cho B 5.000.000 đồng và H sử dụng 5.000.000 đồng. Đến ngày 24/01/2021 B và H đến công an phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa đầu thú.

Người bị hại là chị Lê Thị H, sinh năm 1993, trú tại số nhà 75 Đồng Lễ, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là người đã bị Lê Đình B và Trương Công H chiếm đoạt chiếc điện thoại. Theo báo cáo của chị Hạnh chiếc điện thoại của chị bị B và H chiếm đoạt là điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu trắng, mua tháng 10/2019 với giá 30.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã định giá chiếc điện thoại trên giá trị 22.600.000 đồng, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Thanh Hóa đã trả lại tài sản cho chị H và chị H không có yêu cầu gì.

Đối với chiếc BKS 36B5- 82294 Bằng dùng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra, xác định xe của bà Trịnh Thị V(mẹ B), nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Đối với anh Đỗ Thanh T và anh Đỗ Văn H là người đã mua lại chiếc điện thoại do B và H cướp giật của chị H, do khi mua anh T và anh H không biết điện thoại là do B và H phạm tội mà có, khi cơ quan điều tra thông báo, anh H đã tự nguyện giao điện thoại cho cơ quan điều tra để trả cho bị hại, anh Đỗ Thanh T đã thanh toán cho anh H số tiền 10.000.000đ, tuy nhiên anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 170/CT - VKS ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố các bị cáo Lê Đình B và Trương Công H về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đình B mức án từ 48 đến 54 tháng tù; Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Công H mức án từ 48 đến 54 tháng tù, buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội và công nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là đúng và không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Công an thành phố Thanh hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: Khoảng 15h ngày 18/01/2021, Lê Đình B điều khiển xe máy chở Trương Công H đến thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa để giải quyết công việc cá nhân, khi đi qua khu vực vòng xuyên BigC đoạn đường đầu Đại lộ Lê Lợi thuộc phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, Bằng nhìn thấy chị Lê Thị H đang dừng xe ven đường và đang sử dụng điện thoại di động, lợi dụng sự sơ hở của chị H. B điều khiển xe máy quay lại cùng chiều với chị H và cho xe vượt lên phía bên trái, khi gần ngang bằng với xe của chị H, H ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại ĐTDĐ Iphone 11 Pro max màu trắng trị giá 22.600.000đ của chị H đang cầm trên tay rồi cả 2 tăng ga bỏ chạy về nhà, sau đó bán cho anh Đỗ Thanh T lấy 10.000.000đ ăn tiêu hết, ngày 24/01/2021 cả hai ra đầu thú. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai trước đây các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “ Cướp giật tài sản”, với tình tiết định khung tăng nặng, dùng thủ đoạn nguy hiểm, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS năm 2015 như cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính táo bạo, liều lĩnh, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, quyền sở hữu về tài sản của công dân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, do đó cần phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện hành vi tội phạm, tuy nhiên bị cáo Bằng là người nhìn thấy chị Hạnh và nói cho Hùng biết việc cướp giật điện thoại của chị Hạnh, là người điều khiển xe chở Hùng quay lại chỗ chị H đứng để cho Hùng trực tiếp giật điện thoại của chị H, do đó bị cáo B có vai trò cao hơn bị cáo H là phù hợp.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo H có nhân thân xấu, đang có tiền sự về hành vi “ Xâm hại sức khỏe của người khác”, nhân thân bị xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Do đó mặc dù xếp vị trí vai trò của các bị cáo khác nhau nhưng bị cáo Hùng có nhân thân xấu nên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo có mức án bằng nhau là phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội các bị cáo đầu thú, nên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ nêu trên theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Anh Đỗ Thanh T là người mua điện thoại của các bị cáo, sau đó anh T bán lại điện thoại cho anh H, nhưng anh T và anh H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, sau khi được cơ quan Công an thông báo đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, anh H đã tự nguyện giao lại điện thoại cho cơ quan Công an để trả cho bị hại, anh T tự nguyện trả lại số tiền 10.000.000đ cho anh H và anh T không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền 10.000.000đ, xét việc anh T không yêu cầu bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình B và bị cáo Trương Công H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình B 48 (Bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2021.

Xử phạt: Bị cáo Trương Công H 48 (Bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị hại đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự.

Án phí: Các bị cáo Lê Đình B, Trương Công H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại; người liên quan;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Tân

